

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/12/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Thị Sang
2. Thi Thị Thanh Trúc

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2023/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Lê Văn T, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Con chung của chị L và anh T: Lê Tường V, sinh ngày 29/12/2011

Địa chỉ: ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Yến L như sau:

Chị L và anh T chung sống năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Chánh. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Lê Tường V, sinh ngày 29/12/2011. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống trong gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không chia sẻ nhau cuộc sống gia đình nên hai bên đã ly thân nhau từ tháng 02/2023. Nay chị L xác định

tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Theo tự khai của anh Lê Văn T như sau: Anh T thống nhất với chị L về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Anh cũng thừa nhận anh và chị L ly thân không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2023. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn thương nhau nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa giải quyết. Do anh bận công việc không đến tòa được nên anh có đơn yêu cầu tòa xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Chánh nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không ai quan tâm nhau, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc, nên đã ly thân nhau từ tháng 02/2023 cho đến nay. Từ khi ly thân không ai tới lui chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên anh chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh T không đến nên không hòa giải được, chị L cương quyết ly hôn, anh T cũng có tự khai đồng ý ly hôn. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L và anh T ly hôn.

[3] Về con chung: Từ khi ly thân nhau đến nay chị L là người trực tiếp nuôi con cũng đảm bảo sự phát triển bình thường của bé, cháu V cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên chấp nhận yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị L cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Yến L và anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao con chung Lê Tường V cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T được quyền tới lui, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị L nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018565 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Chị L không phải nộp nữa.

- Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hằng